TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Duy Niên

2. Ông Nguyễn Xuân Oanh.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2024, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnhThái Bình xét xử sơ thẩm công khai, lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 46/2024/TLST - HS ngày 13/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST - HS ngày 14/6/2024 đối với bị cáo:

Cao Văn H, sinh ngày 06/8/1972 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Cao Xuân H và bà Phạm Thị C, đều đã chết; có vợ là chị Trần Thị H và có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 26/3/2024, đến ngày 01/4/2024 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Bình (c*ó mặt).*

- Người làm chứng: Chị Trần Thị H, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. (c*ó mặt)*

- Người chứng kiến:

1. Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1973;

2. Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1965.

Đều trú tại: thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh T, ông Q vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 20 phút, ngày 26/3/2024, tại đường trục thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Công an huyện V tiến hành kiểm tra, phát hiện và thu giữ tại túi áo ngực bên trái phía trước Cao Văn H đang mặc 01 gói được gói bên ngoài bằng giấy bạc màu trắng, bên trong có 03 gói nhỏ đều gói bằng giấy trắng có chữ in, mở ra bên trong mỗi gói đều chứa chất bột dạng cục màu trắng. H tự nguyện khai nhận đó là ma túy loại Heroine, H vừa mua để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác niêm phong trong phong bì theo quy định; Kiểm tra xe mô tô biển số 17B2- 096.85 không phát hiện thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 416/KL - KTHS ngày 29/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: "Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,1474 gam".

Về nguồn gốc số ma tuý bị quản lý, H khai mua tại bến đò N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình của một người đàn ông không quen biết với giá 300.000 đồng vào khoảng hơn 10 giờ 00 phút ngày 26/3/2024. Sau khi mua được ma túy H cất giấu túi áo ngực bên trái phía trước đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về. Khi về đến thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình thì H bị bắt quả tang.

Bản Cáo trạng số: 50/CT-VKSVT ngày 13/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố Cao Văn H về tội: " Tàng trữ trái phép chất ma túy " theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Cao Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với Cao Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn H phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*; đề nghị xử phạt Cao Văn H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy quản lý của bị cáo

hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 416/KL - KTHS ngày 29/3/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Bản ảnh vật chứng; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Kết luận giám định số 416/KL - KTHS ngày 29/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến là anh Lê Ngọc T và ông Bùi Đức Q.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 26/3/2024, tại thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình; Cao Văn H đã có hành vi tàng trữ trái phép trên người 01 gói trong có 03 gói nhỏ chứa ma túy, loại heroine có tổng khối lượng là 0,1474 gam; mục đích để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

....

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Cao Văn H là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma tuý, ngoài ra còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Ma túy gây ra những tác hại khôn lường cho sức khoẻ, trí tuệ người sử dụng, là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh nhiều loại tội phạm, tệ nạn xã hội và lây nhiễm HIV/AIDS, là yếu tố ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế xã hội và trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo biết rõ tác hại của ma tuý, biết rõ việc Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma tuý nhưng do nghiện ma tuý nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc để cải tạo bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng,giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần phải xử phạt bị cáo Cao Văn H một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".* Xét thấy, bị cáo Cao Văn H có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Bị cáo lao động tự do, không có tài sản riêng và thu nhập không ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và tài sản:

[6.1] Đối với số ma túy quản lý của bị cáo, loại Heroine giám định hoàn lại còn lại khối lượng 0,1146 gam (Không phẩy một nghìn một trăm bốn mươi sáu gam) niêm phong trong phong bì số 416/KL-KTHS ngày 29/3/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình là vật chứng của vụ án, thuộc loại Nhà nước độc quyền quản lý và cấm tàng trữ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu để tiêu huỷ.

[6.2] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, sơn xe màu xanh đã cũ, biển số 17B2 - 096.85 là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị H (vợ bị cáo H). Chị H không biết H sử dụng xe mô tô này đi mua ma túy, vì vậy Cơ quan điều tra đã lại chiếc xe mô tô trên cho chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Những vấn đề khác trong vụ án: Về người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo khai không quen biết, không xác định được họ tên, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cao Văn H phạm tội:*"Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Cao Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 26/3/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định còn 0,1146 gam ma túy, loại Heroine hoàn lại sau giám định niêm phong trong phong bì số 416/KL-KTHS ngày 29 /3/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

(*Vật chứng của vụ án do Chi cục Thi hành án dân sự huyện V quản lý theo Phiếu nhập kho ngày 17 tháng 6 năm 2024*).

[4] Về án phí: Bị cáo Cao Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Cao Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/6/2024).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Cơ quan CSĐT, cơ quan THAHS Công an huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Thái Bình (gửi qua Công an huyện V)
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP./.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)